

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **37/2023/DS-ST**

Ngày 04/4/2019

“Về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH TUYÊN QUANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thanh Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Hiếu.

2. Ông Nguyễn Việt Phương.

Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Hường - Thư ký Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Vũ Phương Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 150/2022/TLST-DS, ngày 02 tháng 12 năm 2022 về việc Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2023/QĐXXST-DS, ngày 28 tháng 02 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2023/QĐST-DS, ngày 17 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Ông Đoàn Văn D, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Thôn Cây Xoan, xã Đ, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

* *Bị đơn:* Bà Vũ Thị C, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Thôn Tân Khoa, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

* *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Bà Vũ Thị P, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Thôn Cây Xoan, xã Đ, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

*(Ông Đoàn Văn D, bà Vũ Thị P có mặt tại phiên tòa;
Bà Vũ Thị C vắng mặt tại phiên tòa không có lý do)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn, ông Đoàn Văn D trình bày như sau: Ngày 05/3/2017 ông có cho bà Vũ Thị C, trú tại thôn Tân Khoa, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang vay số tiền 80.000.000 đồng, khi vay có

viết giấy vay nợ xác nhận số tiền vay và thoả thuận tính lãi 1%/tháng; bà C hẹn đến ngày 05/3/2018 thì trả. Giấy vay tiền có viết nội dung “Tên tôi là Bùi Văn H cùng vợ là Vũ Thị C” nhưng thực tế người vay tiền là bà C, khi đến hỏi vay tiền và nhận tiền vay chỉ có một mình bà C, không có ông H, chồng bà C. Đến thời hạn trả bà C không trả được tiền cho ông, ông đã đòi nhiều lần nhưng bà C vẫn không trả. Nay ông khởi kiện đề nghị Toà án nhân dân huyện H giải quyết buộc bà C phải trả cho ông số tiền 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng), ông không yêu cầu tính lãi. Giấy vay tiền có cả chữ ký của bà Vũ Thị P (bà P là vợ ông), là do ông bảo bà P ký, chứ bà P chỉ biết việc vay nợ do ông nói lại còn không tham gia trực tiếp và cũng không biết cụ thể về việc vay nợ này.

Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự đối với bà Vũ Thị C ngày 21/02/2023, bà C trình bày: Bà xác nhận vào ngày 05/3/2017 bà có vay của ông Đoàn Văn D, trú tại thôn Cây Xoan, xã Đ, huyện H, tỉnh Tuyên Quang số tiền 80.000.000 đồng. Khi vay có viết giấy vay nợ thoả thuận lãi suất 1%/tháng và hẹn đến 05/3/2018 thì trả tiền. Đến hạn bà chưa trả được tiền cho ông D vì bà ốm đau liên miên chưa có điều kiện trả. Bà xác nhận việc vay nợ không liên quan đến ông Bùi Văn H, chồng bà, một mình bà vay và nhận tiền vay từ ông D, ông H không biết, không liên quan. Ông Đoàn Văn D khởi kiện bà nhất trí sẽ có trách nhiệm trả cho ông D số tiền bà đã vay là 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng). Đồng thời, bà cũng xác nhận nội dung giấy Biên nhận vay tiền mà ông D xuất trình tại Toà án là đúng, chữ ký nhận bên vay tiền là chữ của bà, trong thời gian bà không trả được nợ ông D có đến nhà bà đòi nhiều lần nhưng bà chưa có tiền trả nên chỉ khất nợ, việc ông D đòi nợ và bà khất nợ chỉ có bà và ông D biết, bà cũng không ghi giấy khất nợ cho ông D.

Tại Bản tự khai và tại phiên toà, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, bà Vũ Thị P trình bày: Bà có biết việc bà Vũ Thị C vay tiền của vợ chồng bà vào ngày 05/3/2017, bà C vay số tiền 80.000.000 đồng hẹn đến ngày 05/3/2018 sẽ trả. Nhưng từ đó đến nay bà C không trả được nợ. Bà P nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Văn D, yêu cầu bà C trả toàn bộ số tiền 80.000.000 đồng cho ông Đoàn Văn D.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã báo gọi bà Vũ Thị C đến để giải quyết vụ án nhưng bà C đều vắng mặt, không có lý do. Tòa án nhân dân huyện H tiến hành xác minh nơi cư trú của bà C, kết quả xác minh thể hiện bà C là công dân có đăng ký hộ khẩu thường trú và có chỗ ở tại thôn Tân Khoa, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang; Toà án đã lấy lời khai của bà C có sự chứng kiến của Trưởng thôn Tân Khoa, xã T, huyện H. Tuy nhiên, bà C vẫn không đến Toà án làm việc nên Tòa án nhân dân huyện H đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo và việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong quá trình giải quyết vụ

án đều đảm bảo đúng quy định; bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 26, 35, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 280, 463, 466, 357 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Văn D, buộc bà Vũ Thị C phải trả cho ông Đoàn Văn D số tiền 80.000.000đ (*Tám mươi triệu đồng*); bà Vũ Thị C phải chịu toàn bộ án phí dân sự có giá ngạch theo quy định; trả lại cho ông Đoàn Văn D số tiền tạm ứng án phí dân sự có giá ngạch đã nộp; các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và ý kiến trình bày của ông Đoàn Văn D trong quá trình giải quyết vụ án; lời khai của bà Vũ Thị C thể hiện tại Biên bản lấy lời khai và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Vũ Thị C có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Tân Khoa, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Giấy vay tiền có chữ ký xác nhận của bà Vũ Thị C thể hiện bà C vay của ông Đoàn Văn D số tiền 80.000.000 đồng vào ngày 05/3/2017 và hẹn đến 05/3/2018 trả. Nhưng đến hạn bà C không trả được tiền cho ông D, ông D có đòi nhiều lần nhưng bà C không trả, nên ông D đã làm đơn khởi kiện gửi đến Tòa án nhân dân huyện H. Do vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Văn D: Căn cứ giấy Biên nhận vay tiền ông Đoàn Văn D cung cấp cho Tòa án, căn cứ các ý kiến trình bày của ông Đoàn Văn D và lời khai của bà Vũ Thị C trong quá trình giải quyết vụ án, thể hiện: Ngày 05 tháng 3 năm 2017 bà Vũ Thị C có vay của ông Đoàn Văn D số tiền 80.000.000 đồng, có ký và ghi rõ họ tên xác nhận trong giấy Biên nhận vay tiền và hẹn đến ngày 05 tháng 3 năm 2018 sẽ trả tiền cho ông D. Tuy nhiên, đến thời hạn trả nợ bà C đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, không trả tiền cho ông D mặc dù ông D đã đòi nhiều lần. Việc ông D khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện H giải quyết buộc bà Vũ Thị C phải trả cho ông số tiền 80.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi là có căn cứ, phù hợp với thỏa thuận đã thể hiện trong giấy vay tiền và quy định tại Điều 280, 466 của Bộ luật dân sự, nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Văn D. Đồng Thời, kể từ ngày ông D có đơn yêu cầu thi hành án bà Vũ Thị C còn phải chịu một khoản tiền lãi theo quy định của Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Quá trình giải quyết bà Vũ Thị P có ý kiến xác nhận bà Vũ Thị C vay tiền của bà P và ông D. Tuy nhiên, bà P cũng xác định nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông D và yêu cầu bà C trả số tiền 80.000.000 đồng cho ông Đoàn Văn D. Do vậy, xác định nghĩa vụ trả nợ, bà C có nghĩa vụ trả nợ cho ông D.

Đối với ông Bùi Văn H, chồng của bà Vũ Thị C, có ghi tên tại mục người vay tiền cùng bà Vũ Thị C. Nhưng trong đơn khởi kiện ông D chỉ khởi kiện yêu cầu bà C trả tiền, quá trình giải quyết vụ án ông D, bà P đều xác nhận người vay tiền là bà C và yêu cầu bà C trả tiền. Bà C cũng xác định việc vay tiền là một mình bà vay ông H không biết, không liên quan cũng không được sử dụng số tiền đó, bà C cũng xác nhận sẽ có trách nhiệm trả nợ. Do vậy, việc vay nợ tiền giữa bà C và vợ chồng ông D không liên quan đến ông H, không xác định tư cách tham gia tố tụng của ông H trong vụ án.

[3] Về việc vắng mặt của bà Vũ Thị C: Trong quá trình giải quyết vụ án bà C không đến Tòa án để làm việc khi được báo gọi không có lý do, Tòa án nhân dân huyện H đã tiến hành xác minh nơi cư trú, kết quả xác minh thể hiện bà C có đăng ký hộ khẩu và nơi cư trú tại địa phương. Tòa án đã tổng đạt và niêm yết các văn bản tố tụng đảm bảo đúng với các quy định của pháp luật. Việc bà C vắng mặt là cố ý trốn tránh, gây khó dễ cho quá trình giải quyết vụ án. Các thủ tục tổng đạt, niêm yết và xác minh của Tòa án đã thực hiện đầy đủ và đúng với các quy định của pháp luật về việc giải quyết vụ án trong trường hợp cố tình dấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ. Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 26, 35, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về án phí: Bà Vũ Thị C phải chịu tiền án phí dân sự có giá ngạch của vụ án. Bà C sinh năm 1960, hiện nay đã trên 60 tuổi, thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí nhưng bà quá trình giải quyết vụ án bà C không có đơn xin miễn nộp tiền án phí, tại biên bản lấy lời khai bà C cũng không có ý kiến xin miễn nộp tiền án phí theo quy định. Nên không miễn nộp tiền án phí dân sự có giá ngạch đối với bà Vũ Thị C.

Ông Đoàn Văn D không phải chịu án phí, trả lại cho ông D khoản tiền tạm ứng án phí ông D đã nộp.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 280, 466, 357 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Văn D: Buộc bà Vũ Thị C có nghĩa vụ trả cho ông Đoàn Văn D số tiền 80.000.000đ (*Tám mươi triệu đồng*).

“Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên có nghĩa vụ phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự”.

2. Về án phí: Bà Vũ Thị C phải nộp án phí dân sự có giá ngạch của vụ án, số tiền 4.000.000đ (*Bốn triệu đồng*), bà C chưa nộp án phí.

Ông Đoàn Văn D không phải nộp án phí; trả lại cho ông Đoàn Văn D số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*), theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0005886, ngày 02 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

4. Về quyền kháng cáo: Ông Đoàn Văn D, bà Vũ Thị P được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bà Vũ Thị C được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7^a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện H;
- THADS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lương Thanh Huyền

